

Số: 58/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 09 tháng 01 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phân bổ biên chế công chức trong các cơ quan hành chính của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện, biên chế viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập, số lượng hợp đồng lao động thực hiện công việc chuyên môn, nghiệp vụ trong các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập, số người làm việc trong các Hội có tính chất đặc thù và Liên hiệp các Tổ chức hữu nghị tỉnh năm 2024

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật viên chức ngày 15 ngày 11 năm 2010;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật cán bộ, công chức và Luật viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức;

Căn cứ Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ về hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quy định số 19-QĐ/TU ngày 03 tháng 11 năm 2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về quản lý biên chế trong hệ thống chính trị của tỉnh;

Căn cứ Kế hoạch số 206-KH/TU ngày 28 tháng 11 năm 2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về quản lý biên chế giai đoạn 2022-2026;

Căn cứ Kế hoạch số 93/KH-UBND ngày 07 tháng 4 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về quản lý biên chế khối chính quyền địa phương giai đoạn 2022-2026;

Căn cứ Quyết định số 1439-QĐ/TU ngày 06 tháng 12 năm 2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về giao biên chế khối chính quyền tỉnh Đồng Nai năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định biên chế công chức trong cơ quan của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện; phê duyệt số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập và số lượng hợp đồng lao động thực hiện công việc chuyên môn, nghiệp vụ trong các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh năm 2024;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 5593/TTr-SNV ngày 29 tháng 12 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phân bổ biên chế công chức trong các cơ quan hành chính của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện là 2.944 chỉ tiêu (Phụ lục I đính kèm).

Điều 2. Phân bổ biên chế viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập là 39.488 chỉ tiêu (Phụ lục II đính kèm).

Điều 3. Phân bổ biên chế viên chức hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp trong các đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên là 655 chỉ tiêu (Phụ lục III đính kèm).

Điều 4. Phân bổ số lượng hợp đồng lao động thực hiện công việc chuyên môn, nghiệp vụ trong các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập là 1.827 chỉ tiêu (Phụ lục IV đính kèm).

Điều 5. Phân bổ số người làm việc trong các Hội có tính chất đặc thù trên địa bàn tỉnh và Liên hiệp các tổ chức hữu nghị tỉnh là 356 chỉ tiêu (Phụ lục V đính kèm).

Điều 6. Giám đốc Sở Tài chính có trách nhiệm phân bổ kinh phí theo số chỉ tiêu nêu trên cho các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Biên Hòa và thành phố Long Khánh, người đứng đầu các tổ chức hội có tính chất đặc thù trên địa bàn tỉnh có trách nhiệm:

1. Căn cứ số chỉ tiêu được Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ, ban hành Quyết định phân bổ chi tiết cụ thể cho từng phòng, ban, chi cục, đơn vị trực thuộc gửi về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) **trước ngày 31/01/2024** để theo dõi.

2. Căn cứ chỉ tiêu biên chế được giao thực hiện hoặc hướng dẫn đơn vị trực thuộc thực hiện việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý nhân sự theo quy định.

Điều 8. Giám đốc Sở Nội vụ có trách nhiệm

1. Theo dõi, kiểm tra các cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện việc tuyển dụng, sử dụng, quản lý số chỉ tiêu được phân bổ và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện.

2. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh cắt giảm biên chế theo lộ trình quy định.

Điều 9. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 10. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Nội vụ, Tài chính, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Long Khánh và thành phố Biên Hòa, người đứng đầu các tổ chức hội có tính chất đặc thù trên địa bàn tỉnh và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 10;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Q. Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- Chánh, PCVP UBND tỉnh (KGVX);
- Kho bạc Nhà nước tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX.

E/Hải-VX/01.2024

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
Q. CHỦ TỊCH**



Võ Tấn Đức



PHỤ LỤC I

DANH SÁCH PHÂN BỐ BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC TRONG CÁC CƠ QUAN
CỦA UBND CẤP TỈNH, CẤP HUYỆN NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 58 /QĐ-UBND ngày 09 tháng 1 năm 2024 của UBND tỉnh)

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Năm 2024	Ghi chú
	TỔNG	2.944	
A	CẤP TỈNH	1.400	
I	Ủy ban nhân dân tỉnh	5	
1	Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh	5	
III	Khối sở, ban, ngành	1.395	
1	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	64	
2	Sở Tài chính	79	
3	Sở Y tế	75	
4	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	82	
5	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	51	
6	Sở Công thương	54	
7	Sở Giáo dục và Đào tạo	55	
8	Sở Ngoại vụ	26	
9	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	245	
10	Sở Nội vụ	84	
11	Thanh tra tỉnh	35	
12	Sở Giao thông vận tải	108	
13	Sở Kế hoạch và Đầu tư	63	
14	Sở Tư pháp	35	
15	Sở Khoa học và Công nghệ	45	
16	Sở Xây dựng	66	
17	Sở Thông tin và Truyền thông	30	
18	Sở Tài nguyên và Môi trường	103	
19	Ban Dân tộc	18	
20	Ban Quản lý Khu công nghệ cao công nghệ sinh học	20	

21	Ban Quản lý các Khu công nghiệp	57	
B	CẤP HUYỆN	1.544	
1	Thành phố Biên Hòa	194	
2	Thành phố Long Khánh	136	
3	Huyện Định Quán	133	
4	Huyện Cẩm Mỹ	129	
5	Huyện Long Thành	149	
6	Huyện Nhơn Trạch	131	
7	Huyện Tân Phú	123	
8	Huyện Thống Nhất	137	
9	Huyện Trảng Bom	148	
10	Huyện Vĩnh Cửu	132	
11	Huyện Xuân Lộc	132	



PHỤ LỤC II

**DANH SÁCH PHÂN BỐ BIÊN CHẾ VIÊN CHỨC HƯỚNG LƯƠNG TỪ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
TRONG CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP NĂM 2024**

(Kèm theo Quyết định số 58/QĐ-UBND ngày 09 tháng 7 năm 2024 của UBND tỉnh)

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Phân bổ năm 2024				Ghi chú
			Sự nghiệp giáo dục	Sự nghiệp y tế	Sự nghiệp khác	Số giáo viên Trung ương cấp bổ sung	
1	2	3	4	5	7	6	8
1	Trường Đại học Đồng Nai	359			359		
2	Trường Cao đẳng Kỹ Thuật	71			71		
3	Trường Cao đẳng Nghề công nghệ cao	92			92		
4	Trường Cao đẳng Y tế	71			71		
5	Khu Bảo tồn Thiên nhiên - Văn hóa	255			255		
6	Nhà Thiếu nhi	16			16		
7	Dài Phát thành và Truyền hình Đồng Nai	145			145		
8	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	282			282		
9	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	304			304		
10	Sở Giao thông vận tải	54			54		
11	Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn	190			190		
12	Văn phòng UBND tỉnh	27			27		
13	Sở Công Thương	26			26		
14	Sở Tư pháp	30			30		

15	Sở Nội vụ	15			15		
16	Sở Thông tin và Truyền thông	28			28		
17	Ban Quản lý các Khu công nghiệp	9			9		
18	Ban Quản lý Khu công nghệ cao Công nghệ sinh học	18			18		
19	Sở Y tế	4.332		4.332			
20	Sở Giáo dục và Đào tạo	4.013	3899			114	
21	Thành phố Biên Hòa	6.956	6809		46	101	
22	Thành phố Long Khánh	1.789	1653		49	87	
23	Huyện Cẩm Mỹ	1.975	1886		49	40	
24	Huyện Định Quán	2.566	2478		48	40	
25	Huyện Long Thành	2.125	2009		56	60	
26	Huyện Nhơn Trạch	2.179	2059		45	75	
27	Huyện Tân Phú	2.230	2148		47	35	
28	Huyện Thống Nhất	1.962	1832		51	79	
29	Huyện Trảng Bom	2.829	2692		57	80	
30	Huyện Vĩnh Cửu	1.702	1588		49	65	
31	Huyện Xuân Lộc	2.838	2764		48	26	
Tổng*		39.488	31.817	4.332	2.537	802	

* 802 biên chế giáo viên được Ban Tổ chức Trung ương cấp bổ sung cho năm học 2023-2024 theo Quyết định số 72-QĐ/TW của Bộ Chính trị.



PHỤ LỤC III
DANH SÁCH PHÂN BỐ BIÊN CHẾ VIÊN CHỨC HƯỞNG LƯƠNG TỪ NGUỒN THU
SỰ NGHIỆP ĐỐI VỚI ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP TỰ ĐẢM BẢO MỘT PHẦN
CHI THƯỜNG XUYÊN NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 58 /QĐ-UBND ngày 09 tháng 1 năm 2024 của UBND tỉnh)

STT	Tên đơn vị	Năm 2024	Ghi chú
1	Trường Đại học Đồng Nai	200	
2	Trường Cao đẳng Kỹ Thuật	110	
3	Trường Cao đẳng Nghề công nghệ cao	149	
4	Trường Cao đẳng Y tế	20	
5	Đài Phát thanh và Truyền hình Đồng Nai	21	
6	Sở Giao thông vận tải	15	
7	Sở Công Thương	14	
8	Sở Thông tin và Truyền thông	29	
9	Nhà Thiếu nhi tỉnh	10	
10	Thành phố Long Khánh	14	
11	Huyện Cẩm Mỹ	7	
12	Huyện Định Quán	5	
13	Huyện Nhơn Trạch	10	
14	Huyện Tân Phú	13	
15	Huyện Thống Nhất	11	
16	Huyện Trảng Bom	9	
17	Huyện Xuân Lộc	18	
	Tổng	655	



PHỤ LỤC IV

SỐ LƯỢNG HỢP ĐỒNG CHUYÊN MÔN, NGHIỆP VỤ TẠI CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP
GIÁO DỤC CÔNG LẬP THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 111/2022/NĐ-CP NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 58/QĐ-UBND ngày 09 tháng 01 năm 2024 của UBND tỉnh)

STT	Đơn vị	Năm 2024	Ghi chú
1	Sở Giáo dục và Đào tạo	64	
2	UBND thành phố Biên Hòa	317	
3	UBND thành phố Long Khánh	143	
4	UBND huyện Trảng Bom	300	
5	UBND huyện Long Thành	245	
6	UBND huyện Thống Nhất	103	
7	UBND huyện Định Quán	63	
8	UBND huyện Tân Phú	85	
9	UBND huyện Nhơn Trạch	206	
10	UBND huyện Cẩm Mỹ	47	
11	UBND huyện Xuân Lộc	86	
12	UBND huyện Vĩnh Cửu	168	
Tổng		1.827	



PHỤ LỤC V

DANH SÁCH PHÂN BỐ SỐ NGƯỜI LÀM VIỆC TRONG CÁC TỔ CHỨC HỘI CÓ TÍNH CHẤT ĐẶC THÙ VÀ LIÊN HIỆP CÁC TỔ CHỨC HỮU NGHỊ TỈNH NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 58 /QĐ-UBND ngày 09 tháng 04 năm 2024 của UBND tỉnh)

STT	Tên đơn vị	Năm 2024
Tổng cộng		356
I	Cấp tỉnh	114
1	Ban Đại diện Hội Người cao tuổi tỉnh Đồng Nai	6
2	Hội Cựu Thanh niên xung phong tỉnh Đồng Nai	6
3	Hội Chiến sĩ Cách mạng bị địch bắt tù đầy tỉnh Đồng Nai	6
4	Hội Chữ thập đỏ tỉnh Đồng Nai	14
5	Hội Khuyến học tỉnh Đồng Nai	8
6	Hội Luật gia tỉnh Đồng Nai	5
7	Hội Nạn nhân chất độc da cam/Dioxin tỉnh Đồng Nai	6
8	Hội Người mù tỉnh Đồng Nai	7
9	Hội Nhà báo tỉnh Đồng Nai	4
10	Hội Sinh viên tỉnh Đồng Nai	3
11	Hội Văn học nghệ thuật tỉnh Đồng Nai	10
12	Liên hiệp các Hội khoa học Kỹ thuật tỉnh Đồng Nai	9
13	Liên hiệp các tổ chức hữu nghị tỉnh Đồng Nai	15
14	Liên minh Hợp tác xã tỉnh Đồng Nai	15
II	Cấp huyện	242
1	Thành phố Biên Hòa	22
1.1	Ban Đại diện Hội Người cao tuổi thành phố Biên Hòa	3
1.2	Hội Chiến sĩ Cách mạng bị địch bắt tù đầy thành phố Biên Hòa	3
1.3	Hội Chữ thập đỏ thành phố Biên Hòa	5
1.4	Hội Khuyến học thành phố Biên Hòa	4
1.5	Hội Nạn nhân chất độc da cam/Dioxin thành phố Biên Hòa	3
1.6	Hội Người mù thành phố Biên Hòa	4
2	Thành phố Long Khánh	22
2.1	Ban Đại diện Hội Người cao tuổi thành phố Long Khánh	3
2.2	Hội Chiến sĩ Cách mạng bị địch bắt tù đầy thành phố Long Khánh	3
2.3	Hội Chữ thập đỏ thành phố Long Khánh	5
2.4	Hội Khuyến học thành phố Long Khánh	4
2.5	Hội Nạn nhân chất độc da cam/Dioxin thành phố Long Khánh	3

2.6	Hội Người mù thành phố Long Khánh	4
3	Huyện Cẩm Mỹ	22
3.1	Ban Đại diện Hội Người cao tuổi huyện Cẩm Mỹ	3
3.2	Hội Chiến sĩ Cách mạng bị địch bắt tù đày huyện Cẩm Mỹ	3
3.3	Hội Chữ thập đỏ huyện Cẩm Mỹ	5
3.4	Hội Khuyến học huyện Cẩm Mỹ	4
3.5	Hội Nạn nhân chất độc da cam/Dioxin huyện Cẩm Mỹ	3
3.6	Hội Người mù huyện Cẩm Mỹ	4
4	Huyện Định Quán	22
4.1	Ban Đại diện Hội Người cao tuổi huyện Định Quán	3
4.2	Hội Chiến sĩ Cách mạng bị địch bắt tù đày huyện Định Quán	3
4.3	Hội Chữ thập đỏ huyện Định Quán	5
4.4	Hội Khuyến học huyện Định Quán	4
4.5	Hội Nạn nhân chất độc da cam/Dioxin huyện Định Quán	3
4.6	Hội Người mù huyện Định Quán	4
5	Huyện Long Thành	22
5.1	Ban Đại diện Hội Người cao tuổi huyện Long Thành	3
5.2	Hội Chiến sĩ Cách mạng bị địch bắt tù đày huyện Long Thành	3
5.3	Hội Chữ thập đỏ huyện Long Thành	5
5.4	Hội Khuyến học huyện Long Thành	4
5.5	Hội Nạn nhân chất độc da cam/Dioxin huyện Long Thành	3
5.6	Hội Người mù huyện Long Thành	4
6	Huyện Nhơn Trạch	22
6.1	Ban Đại diện Hội Người cao tuổi huyện Nhơn Trạch	3
6.2	Hội Chiến sĩ Cách mạng bị địch bắt tù đày huyện Nhơn Trạch	3
6.3	Hội Chữ thập đỏ huyện Nhơn Trạch	5
6.4	Hội Khuyến học huyện Nhơn Trạch	4
6.5	Hội Nạn nhân chất độc da cam/Dioxin huyện Nhơn Trạch	3
6.6	Hội Người mù huyện Nhơn Trạch	4
7	Huyện Tân Phú	22
7.1	Ban Đại diện Hội Người cao tuổi huyện Tân Phú	3
7.2	Hội Chiến sĩ Cách mạng bị địch bắt tù đày huyện Tân Phú	3
7.3	Hội Chữ thập đỏ huyện Tân Phú	5
7.4	Hội Khuyến học huyện Tân Phú	4
7.5	Hội Nạn nhân chất độc da cam/Dioxin huyện Tân Phú	3
7.6	Hội Người mù huyện Tân Phú	4
8	Huyện Thống Nhất	22
8.1	Ban Đại diện Hội Người cao tuổi huyện Thống Nhất	3
8.2	Hội Chiến sĩ Cách mạng bị địch bắt tù đày huyện Thống Nhất	3

8.3	Hội Chữ thập đỏ huyện Thống Nhất	5
8.4	Hội Khuyến học huyện Thống Nhất	4
8.5	Hội Nạn nhân chất độc da cam/Dioxin huyện Thống Nhất	3
8.6	Hội Người mù huyện Thống Nhất	4
9	Huyện Trảng Bom	22
9.1	Ban Đại diện Hội Người cao tuổi huyện Trảng Bom	3
9.2	Hội Chiến sĩ Cách mạng bị địch bắt tù đày huyện Trảng Bom	3
9.3	Hội Chữ thập đỏ huyện Trảng Bom	5
9.4	Hội Khuyến học huyện Trảng Bom	4
9.5	Hội Nạn nhân chất độc da cam/Dioxin huyện Trảng Bom	3
9.6	Hội Người mù huyện Trảng Bom	4
10	Huyện Vĩnh Cửu	22
10.1	Ban Đại diện Hội Người cao tuổi huyện Vĩnh Cửu	3
10.2	Hội Chiến sĩ Cách mạng bị địch bắt tù đày huyện Vĩnh Cửu	3
10.3	Hội Chữ thập đỏ huyện Vĩnh Cửu	5
10.4	Hội Khuyến học huyện Vĩnh Cửu	4
10.5	Hội Nạn nhân chất độc da cam/Dioxin huyện Vĩnh Cửu	3
10.6	Hội Người mù huyện Vĩnh Cửu	4
11	Huyện Xuân Lộc	22
11.1	Ban Đại diện Hội Người cao tuổi huyện Xuân Lộc	3
11.2	Hội Chiến sĩ Cách mạng bị địch bắt tù đày huyện Xuân Lộc	3
11.3	Hội Chữ thập đỏ huyện Xuân Lộc	5
11.4	Hội Khuyến học huyện Xuân Lộc	4
11.5	Hội Nạn nhân chất độc da cam/Dioxin huyện Xuân Lộc	3
11.6	Hội Người mù huyện Xuân Lộc	4